

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH THẠNH
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 115/2024/DS-ST
Ngày 12-11-2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THẠNH, TP. CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Diệu.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Đoàn Sơn Lâm;
- Ông Ngô Hoàng Bá.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Bích Ngọc- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, TP. Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, TP. Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Lễ- Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 02/2024/TLST-DS ngày 02-01-2024 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 136/2024/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 10 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần K.

Địa chỉ: Số D, P, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Ngọc M, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện tham gia tố tụng: Ông Võ Minh S, chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ khu vực Phòng giao V- có mặt.

Địa chỉ: Số G, quốc lộ H, ấp V, thị trấn V, huyện V, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn:

1. Ông Trần Trần M, sinh năm 1973- vắng mặt lần 02 không lý do.

Địa chỉ: Ấp Q, xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ.

2. Bà Hà Thị Bích T- 1987- vắng mặt lần 02 không lý do.

Địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Căn cứ vào đơn khởi kiện, tài liệu, chứng cứ mà Tòa án thu thập được cũng kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ông S đại diện cho nguyên đơn trình bày và yêu

cầu giải quyết như sau: Vào ngày 26-7-2019, Ngân hàng Thương mại cổ phần K-Phòng giao V (viết tắt là Ngân hàng K), ông Trần Trần M và bà Hà Thị Bích T có ký kết với nhau Hợp đồng hạn mức cấp tín dụng số: 768/19/HĐHM/0404-5503. Từ cơ sở của Hợp đồng nói trên nên ngày 27-8-2020, Ngân hàng K có ký với ông M và bà T Hợp đồng tín dụng từng lần số: 685/20/HĐTD/0404-5503. Theo Hợp đồng tín dụng từng lần, thì Ngân hàng K đồng ý cho ông M và bà T vay 210.000.000đ, lãi suất thỏa thuận 11,1%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, thời hạn vay 12 tháng, kể từ ngày tiếp theo ngày 27-8-2020. Cũng trong ngày 27-8-2020, ông M và bà T còn ký Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số: 32066803/KUNN. Để đảm bảo cho hợp đồng tín dụng nói trên, hai bên có ký với nhau Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và/hoặc tài sản gắn liền với đất số: 768/19/HĐTC-BDS/0404-5503 ngày 26-7-2019. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng thửa đất số 690, diện tích 377m² đất LNK, thuộc tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại ấp P, xã T nay là xã T, huyện V, TP .. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 000514 ngày 16-10-1997 do bà Trần Thị T1 đại diện đứng tên và đã được chỉnh lý cho bà Hà Thị Bích T đứng tên ngày 17-4-2018 theo hợp đồng tặng cho (viết tắt là giấy CNQSDĐ số: 000514).

Từ khi vay đến trước ngày 30-11-2023, ông M và bà T đã trả cho ngân hàng K 160.000.000đ nợ gốc và một phần tiền lãi. Nên Ngân hàng K khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông M và bà T chịu trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng K 50.000.000đ nợ gốc, 50.634.246đ tiền lãi quá hạn tạm tính đến ngày 30-11-2023 và tiền lãi phát sinh từ ngày 31-11-2023 cho đến khi trả xong nợ.

Tại phiên tòa, Ngân hàng K trình bày: Tính đến trước ngày 12-11-2024 thì ông M và bà T đã trả xong cho Ngân hàng K 50.000.000đ nợ gốc còn lại, đối với số tiền nợ lãi phát sinh thì bị đơn vẫn chưa trả nợ xong. Nên Ngân hàng K yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông M và bà T chịu trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng K 57.453.904đ (nợ lãi quá hạn tính đến ngày 12-11-2024).

Nếu không trả được nợ thì đề nghị cho kê biên, phát mãi tài sản thế chấp và tài sản có trên đất thế chấp đã được ghi nhận ở trên để thu hồi nợ cho Ngân hàng K.

* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án và còn nhiều lần triệu tập ông Trần Trần M và bà Hà Thị Bích T tham gia tố tụng. Nhưng ông M và bà T đều vắng mặt không có lý do và cũng không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của Ngân hàng K. Nên Tòa án căn cứ

vào các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được để giải quyết vụ án theo quy định chung.

* Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ, đúng với quy định của pháp luật. Người tham gia tố tụng đã chấp hành, thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình, trừ ông M và bà T luôn vắng mặt không lý do nên đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Về yêu cầu khởi kiện: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông M và bà T chịu trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng K 57.453.904đ nợ lãi quá hạn tính đến ngày 12-11-2024. Nếu ông M và bà T không thanh toán nợ, thì Ngân hàng K có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng thửa đất 690 cùng tài sản có trên đất, theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất mà ông M và bà T đã ký với Ngân hàng K để thu hồi nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Việc Ngân hàng K khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông M và bà T chịu trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng K tiền nợ gốc và nợ lãi phát sinh, cũng như xử lý tài sản thế chấp bảo đảm cho hợp đồng tín dụng được xác định là vụ án dân sự tranh chấp hợp đồng tín dụng, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, TP ., theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã hòa giải nhưng không thành nên đưa vụ án ra xét xử.

[2] Về đương sự vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy, để bảo đảm quyền được tham gia tố tụng tại phiên tòa, Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng ông M và bà T luôn vắng mặt không có lý do. Nên căn cứ vào các Điều 227, 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đã có cơ sở xét xử vắng mặt ông M và bà T.

[3] Xét thấy, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ mà Tòa án đã thu thập được, cũng như sự thừa nhận của đương sự thì Ngân hàng K có ký với ông M và bà T Hợp đồng hạn mức cấp tín dụng số: 768/19/HĐHM/0404-5503 ngày 26-7-2019 và Hợp đồng tín dụng từng lần số: 685/20/HĐTD/0404-5503 ngày 27-8-2020. Trên cơ sở các hợp đồng tín dụng trên, Ngân hàng K có cho ông M và bà T vay 210.000.000đ. Để chứng minh cho việc đã cho ông M và bà T vay tiền, Ngân hàng

K còn giao nộp cho Tòa án Giấy đề nghị giải ngân kiêm kê ước nhận nợ số: 32066803/KUNN ngày 27-8-2020 của ông M và bà T. Nhưng từ khi vay đến khi thụ lý giải quyết vụ án vào ngày 02-01-2024, ông M và bà T đã trả được 160.000.000đ nợ gốc nên còn nợ 50.000.000đ, đối với nợ lãi quá hạn phát sinh thì còn nợ Ngân hàng K một phần. Nhưng căn cứ vào lời trình bày của Ngân hàng K tại phiên tòa, thì tính đến ngày 12-11-2024 ông M và bà T đã trả xong cho Ngân hàng K 50.000.000đ nợ gốc còn lại; đối với nợ lãi quá hạn phát sinh thì hiện nay ông M và bà T vẫn còn nợ Ngân hàng K 57.453.904đ. Nên Ngân hàng K yêu cầu ông M và bà T chịu trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng K 57.453.904đ. Xét thấy, tính đến nay đã hết thời hạn vay nhưng ông M và bà T không thanh toán xong nợ cho Ngân hàng K đã vi phạm hợp đồng mà 02 bên đã ký kết. Do đó, cần phải buộc ông M và bà T chịu trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng K 57.453.904đ tiền lãi quá hạn tính đến ngày 12-11-2024 là phù hợp với Luật Các tổ chức tín dụng.

[4] Để bảo đảm cho hợp đồng tín dụng nói trên, ông M và bà T đã thế chấp cho Ngân hàng K quyền sử dụng thửa đất số 690, có diện tích 377m² đất LNK, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và/hoặc tài sản gắn liền với đất số: 768/19/HĐTC-BĐS/0404-5503 ngày 26-7-2019. Hợp đồng này được lập thành văn bản, có nội dung và hình thức đúng với quy định của pháp luật, không trái với đạo đức, được công chứng và đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện V là đúng với qui định của pháp luật. Thửa đất 690 thuộc tờ bản đồ số 12, ấp P, xã T nay là xã T, huyện V, TP .. Giấy CNQSDĐ số: 000514, cấp ngày 16-10-1997 do bà Trần Thị T1 đại diện đứng tên và đã được chỉnh lý cho bà Hà Thị Bích T đứng tên ngày 17-4-2018 theo hợp đồng tặng cho. Do đó, nếu ông M và bà T không thanh toán nợ, thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mãi quyền sử dụng thửa đất nói trên và tài sản có trên đất (nếu có) để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

[5] Về án phí: Ông M và bà T phải chịu trách nhiệm trả cho Ngân hàng 57.453.904đ nên phải chịu án phí có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

[6] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Để có căn cứ giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản thế chấp và chi phí cho hoạt động này hết 3.000.000đ, Ngân hàng K đã tạm nộp số tiền này để chi. Xét thấy, lỗi làm phát sinh vụ kiện là do ông M và bà T nên ông M và bà T cùng phải chịu số tiền này và chịu trách nhiệm hoàn trả lại cho Ngân hàng.

[7] Xét phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, của người tham gia tố tụng, ý kiến về giải quyết vụ án là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 91, 92, 147, 157, 158, 227, 228 và 238 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 91 và 95 Luật Các tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào các Điều 288, 318, 320, 322, 323 và 325 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần K.

* Buộc ông Trần Trần M và bà Hà Thị Bích T chịu trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần K 57.453.904đ (năm mươi bảy triệu bốn trăm năm mươi ba ngàn chín trăm lẻ bốn đồng) (tiền lãi quá hạn).

Nếu ông Trần Trần M và bà Hà Thị Bích T không thanh toán nợ, thì Ngân hàng Thương mại cổ phần K có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng thửa đất số 690 có diện tích 377m² đất LNK cùng tài sản có trên đất (nếu có), theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và/hoặc tài sản gắn liền với đất số: 768/19/HĐTC-BDS/0404-5503 ngày 26-7-2019 để thu hồi nợ. Thửa đất 690 thuộc tờ bản đồ số 12, ấp P, xã T nay là xã T, huyện V, TP .. Thửa đất nói trên được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 000514 ngày 16-10-1997 do bà Trần Thị T1 đại diện đứng tên và đã được chỉnh lý cho bà Hà Thị Bích T đứng tên ngày 17-4-2018 (theo hợp đồng tặng cho).

(Tài sản thế chấp đảm bảo cho hợp đồng tín dụng được ghi nhận

trong Biên bản xem xét, thẩm định tài sản, do Tòa án lập ngày 23-9-2024)

* Về tạm ứng án phí và án phí dân sự sơ thẩm:

- Trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần K 2.516.000đ (hai triệu, năm trăm mười sáu ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí. Theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0006811 ngày 18-12-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ.

- Ông Trần Trần M và bà Hà Thị Bích T cùng phải chịu 2.872.000đ (hai triệu tám trăm bảy mươi hai ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

* Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ông Trần Trần M và bà Hà Thị Bích T cùng phải chịu 3.000.000đ (ba triệu đồng) và cùng phải chịu trách nhiệm hoàn trả số tiền này cho Ngân hàng Thương mại cổ phần K.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tiếp theo ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được thông báo, niêm yết, để yêu cầu Tòa án nhân dân TP. Cần Thơ xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND huyện Vĩnh Thạnh;
- Chi cục THADS Vĩnh Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**